

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 03/02/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức D.

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 03/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2021 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông L T D, sinh năm: 1979.

HKTT: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà P T P L, sinh năm: 1981.

Nơi cư trú cuối cùng: Số 160, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(*Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L đã có quyết định tuyên bố mất tích và vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, các bản tự khai nguyên đơn ông L T D trình bày:

Năm 2003 ông và bà P T P L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống

với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, huyện Xuân Lộc (nay là huyện Cẩm Mỹ), tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu khi kết hôn đời sống vợ chồng hòa thuận, đến khoảng năm 2009 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Ông và bà L sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã ra Quyết định, tuyên bố bà P T P L mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2020/QĐST –ST ngày 22/10/2020. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: ông D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà P T P L đã mất tích, hiện nay không có tin tức gì, Tòa án đã tiến hành các thủ tục để triệu tập hợp lệ nhưng bà L không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có lời khai.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); các bản tự khai; Quyết định số 07/2020/QĐDS –ST ngày 22/10/2020 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích; đơn xin xác nhận; biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông L T D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà P T P L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và bà L đã bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ ra quyết định tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L T D và bà P T P L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo ông D thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn với bà L. Bà L đã bỏ đi từ năm 2015 đến nay không chung sống với ông D và cũng không có mặt tại nơi cư trú. Bà L đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Căn cứ quyết định số 07/2020/QĐDS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã tuyên bố bà L mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày Tòa án mở phiên tòa bà L vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ông D được ly hôn với bà L là có căn cứ pháp luật.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Ông D trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông L T D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 11, 12, 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L T D. Ông L T D được ly hôn bà P T P L.
2. Về con chung: không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Ông L T D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L T D đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002237 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Ông D đã nộp đủ tiền án phí.
5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã X
- (GCNKH số:61/2003).
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo